BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 114 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 13 tháng 1 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa tên sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 11, Mục 2 Chương II của Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ qui định Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 6211, ngày 17/12/2019 của Hiệu trưởng về việc Kỷ luật với hình thức Khiển trách sinh viên không nộp văn bằng tốt nghiệp THPT hoặc cao đẳng để kiểm tra;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay xóa tên **332** sinh viên **khóa 44** có tên sau đây ra khỏi danh sách sinh viên Trường Đại học Cần Thơ từ học kỳ II, năm học 2019- 2020 :

(Danh sách kèm theo)

Lý do: Không nộp bằng tốt nghiệp THPT hoặc Cao đẳng để kiểm tra.

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên có tên tại Điều 1 được chấm dứt kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Công tác Sinh viên, Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chính quyền địa phương
- Gia đình
- Lưu VT, P.CTSV.

} để biết

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ XÓA TÊN

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-ĐHCT, ngày 13 tháng 1 năm 2020 của Hiệu Trưởng)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
1	C1800001	Nguyễn Thị Kim Huệ	DA1866A2	Viện NC & PT CNSH
2	B1803783	Trần Chí Hiếu	DA1866A3	Viện NC & PT CNSH
3	B1803940	Nguyễn Ngọc Bích Ngân	DA1866A3	Viện NC & PT CNSH
4	B1804016	Cao Trần Hải Yến	DA1866A3	Viện NC & PT CNSH
5	B1804024	Nguyễn Hữu Hiếu	DA1866T1	Viện NC & PT CNSH
6	B1812859	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	DA1866T1	Viện NC & PT CNSH
7	B1805665	Huỳnh Phước Toàn	DI1895A1	Công nghệ TT & TT
8	B1805666	Phạm Thùy Trang	DI1895A1	Công nghệ TT & TT
9	B1805690	Lê Quốc Hưng	DI1895A2	Công nghệ TT & TT
10	B1805707	Vương Tâm Như	DI1895A2	Công nghệ TT & TT
11	B1805769	Ngô Minh Khang	DI1896A3	Công nghệ TT & TT
12	B1805919	Đinh Đoàn Thi Thi	DI1896A3	Công nghệ TT & TT
13	B1807626	Nguyễn Thị Hồng Đào	DI18T9A2	Công nghệ TT & TT
14	B1800169	Lê Tường Dũng	DI18V7A1	Công nghệ TT & TT
15	B1809466	Võ Hoàng Duy Khang	DI18V7A4	Công nghệ TT & TT
16	B1809536	Trần Đang Trường	DI18V7A4	Công nghệ TT & TT
17	B1809137	Dương Minh Khoa	DI18V7A5	Công nghệ TT & TT
18	B1809265	Phạm Thị Thu Ngân	DI18V7A5	Công nghệ TT & TT
19	B1809346	Vũ Trung Hậu	DI18V7A5	Công nghệ TT & TT
20	B1809464	Trương Linh Kha	DI18V7A5	Công nghệ TT & TT
21	C1800004	Võ Hạnh Hoàng An	DI18V7A5	Công nghệ TT & TT
22	B1809688	Trịnh Thế Hảo	DI18V7F1	Công nghệ TT & TT
23	B1809717	Nguyễn Trần Phú	DI18V7F1	Công nghệ TT & TT
24	B1809718	Tạ Tiểu Quốc	DI18V7F1	Công nghệ TT & TT
25	B1809727	Nguyễn Anh Tuấn	DI18V7F1	Công nghệ TT & TT
26	B1809695	Đặng Mạnh Huỳnh	DI18V7F2	Công nghệ TT & TT
27	B1809714	Cao Thị Yến Nhi	DI18V7F2	Công nghệ TT & TT
28	B1809715	Nguyễn Kim Oanh	DI18V7F2	Công nghệ TT & TT
29	B1812390	Thái Minh Triết	DI18Z6A2	Công nghệ TT & TT
30	B1800161	Trần Thị Như Ý	FL18V1A2	Ngoại ngữ
31	B1808501	Nguyễn Đông Nhi	FL18V1A2	Ngoại ngữ
32	B1808515	Nguyễn Văn Tiến	FL18V1A2	Ngoại ngữ
33	B1808526	Nguyễn Lưu Ngọc Tường Vy	FL18V1A2	Ngoại ngữ
34	C1800022	Nguyễn Ngọc Hải	FL18V1L1	Ngoại ngữ
35	C1800030	Phạm Thị Minh Nguyên	FL18V1L1	Ngoại ngữ
36	B1811363	Nguyễn Cao Kiến Quốc	FL18X1A1	Ngoại ngữ
37	C1800047	Nguyễn Phạm Tuyết Ngân	FL18X1A1	Ngoại ngữ
38	C1800052	Dương Phương Thảo	FL18X1A1	Ngoại ngữ
39	B1808306	Kim Thị Ngọc Chi	FL18Z8A1	Ngoại ngữ
40	B1808313	Mai Gia Hân	FL18Z8A1	Ngoại ngữ
41	B1812401	Nguyễn Huỳnh Lan Anh	FL18Z9A1	Ngoại ngữ
42	B1812415	Nguyễn Thái Mỹ Hân	FL18Z9A1	Ngoại ngữ
43	B1812418	Phương Thiên Hồng	FL18Z9A1	Ngoại ngữ

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
44	B1812452	Nguyễn Ngọc Hoàn Trân	FL18Z9A1	Ngoại ngữ
45	B1812458	La Thị Như Ý	FL18Z9A1	Ngoại ngữ
46	B1812480	Trần Quang Khánh	FL18Z9A2	Ngoại ngữ
47	B1812496	Lương Mộng Như	FL18Z9A2	Ngoại ngữ
48	B1812508	Trần Anh Thư	FL18Z9A2	Ngoại ngữ
49	B1800992	Nông Thị Mỹ Hạnh	HG1813A1	Phát triển nông thôn
50	B1801805	Phùng Huỳnh Anh	HG1822A1	Phát triển nông thôn
51	B1801811	Phạm Thị Mỹ Duyên	HG1822A1	Phát triển nông thôn
52	B1801839	Trần Thị Huỳnh Như	HG1822A1	Phát triển nông thôn
53	B1801863	Lê Mỹ Ý	HG1822A1	Phát triển nông thôn
54	B1801907	Trần Thị Hồng Thắm	HG1822A1	Phát triển nông thôn
55	B1802133	Đặng Thị Phương Giao	HG1823A1	Phát triển nông thôn
56	B1802202	Phạm Lê Hoàng Thịnh	HG1823A1	Phát triển nông thôn
57	B1812562	Nguyễn Trần Hồng Lam	HG1823A1	Phát triển nông thôn
58	B1802911	Võ Thị Nguyễn Nhi	HG1863A1	Phát triển nông thôn
59	B1802913	Lâm Tấn Phi	HG1863A1	Phát triển nông thôn
60	B1802924	Nguyễn Thiên Thảo	HG1863A1	Phát triển nông thôn
61	B1807411	Trần Khánh Duy	HG18T7A1	Phát triển nông thôn
62	B1807471	Trần Thái Tài	HG18T7A1	Phát triển nông thôn
63	B1808150	Võ Duy Anh	HG18U6A1	Phát triển nông thôn
64	B1808154	Lê Công Hậu	HG18U6A1	Phát triển nông thôn
65	B1808191	Dương Quốc Chí	HG18U7A1	Phát triển nông thôn
66	B1808221	Lương Thanh Long	HG18U7A1	Phát triển nông thôn
67	B1808253	Thị Bích Thùy	HG18U7A1	Phát triển nông thôn
68	B1812775	Phạm Anh Khoa	HG18U7A1	Phát triển nông thôn
69	B1812776	Đặng Quốc Nam	HG18U7A1	Phát triển nông thôn
70	B1808568	Trần Thị Mỹ Phụng	HG18V1A1	Phát triển nông thôn
71	B1808596	Trương Kim Duyên	HG18V1A2	Phát triển nông thôn
72	B1808612	Nguyễn Hải Yến Linh	HG18V1A2	Phát triển nông thôn
73	B1808635	Nguyễn Thị Cẩm Thu	HG18V1A2	Phát triển nông thôn
74	B1801237	Huỳnh Thế Vĩ	HG18V2A1	Phát triển nông thôn
75	B1812545	Mai Hữu Tân	HG18V2A1	Phát triển nông thôn
76	B1809640	Lê Hữu Tài	HG18V7A1	Phát triển nông thôn
77	B1809643	Lê Tấn Thành	HG18V7A1	Phát triển nông thôn
78	B1809663	Nguyễn Quốc Truyện	HG18V7A1	Phát triển nông thôn
79	B1811241	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	HG18W8A1	Phát triển nông thôn
80	B1811275	Ngô Thị Ngọc Trinh	HG18W8A1	Phát triển nông thôn
81	B1811284	Trần Thị Ngọc Cầm	HG18W8A1	Phát triển nông thôn
82	B1811286	Thạch Thị Thu Cúc	HG18W8A1	Phát triển nông thôn
83	B1811299	Lê Thị Mỹ Hoa	HG18W8A1	Phát triển nông thôn
84	B1804339	Phạm Quách Gia Hân	KH1869A2	Khoa học tự nhiên
85	B1806488	Phạm Ngọc Bích	KH18T3A1	Khoa học tự nhiên
86	B1807720	Nguyễn Ngọc Tuyết Minh	KH18U1A1	Khoa học tự nhiên
87	B1801378	Phan Mộng Thơ	KT1820A2	Kinh tế
88	B1801388	Hồ Thị Bảo Trân	KT1820A2	Kinh tế

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
89	C1800078	Liêu Đỗ Linh Phương	KT1820L1	Kinh tế
90	C1800080	Lâm Văn Thuận	KT1820L1	Kinh tế
91	B1800022	Lý Hồng Cẩm	KT1821A2	Kinh tế
92	B1801513	Đoàn Gia Hân	KT1821A2	Kinh tế
93	B1801520	Trần Ngọc Mỹ Huyền	KT1821A2	Kinh tế
94	B1801622	Trương Thị Ngọc Mỹ	KT1822A1	Kinh tế
95	B1801679	Võ Thị Ngọc Trân	KT1822A1	Kinh tế
96	C1800126	Trầm Thị Thảo	KT1822L1	Kinh tế
97	B1801937	Nguyễn Thị Mỹ Hà	KT1823A1	Kinh tế
98	B1801966	Nguyễn Thị Kim Nguyên	KT1823A1	Kinh tế
99	B1801975	Đỗ Kim Phụng	KT1823A1	Kinh tế
100	B1801987	Lê Quang Thắng	KT1823A1	Kinh tế
101	B1802006	Võ Ngọc Tú Tú	KT1823A1	Kinh tế
102	B1802009	Phan Thị Kim Uyên	KT1823A1	Kinh tế
103	B1802022	Danh Thị Ngọc Ánh	KT1823A2	Kinh tế
104	B1802064	Phạm Thị Yến Nhi	KT1823A2	Kinh tế
105	B1803124	Nguyễn Hoàng Đông	KT1845A1	Kinh tế
106	B1803128	Phan Thị Ngọc Hân	KT1845A1	Kinh tế
107	B1803192	Lâm Thị Thanh Ngân	KT1845A2	Kinh tế
108	B1805385	Nguyễn Thị Lan Anh	KT1890A1	Kinh tế
109	B1805390	Nguyễn Thị Kim Chi	KT1890A1	Kinh tế
110	B1805431	Võ Thị Kim Thoa	KT1890A1	Kinh tế
111	B1805433	Phạm Thị Cẩm Tiên	KT1890A1	Kinh tế
112	B1805437	Trần Thị Huyền Trân	KT1890A1	Kinh tế
113	B1805458	Nguyễn Bích Duyên	KT1890A2	Kinh tế
114	B1805462	Nguyễn Minh Đương	KT1890A2	Kinh tế
115	B1805473	Lư Thị Xuân Mai	KT1890A2	Kinh tế
116	B1808799	Nguyễn Thị Huỳnh Như	KT18V5A1	Kinh tế
117	B1808817	Nguyễn Huyền Trân	KT18V5A1	Kinh tế
118	B1808853	Lý Kiều Loan	KT18V5A2	Kinh tế
119	B1808893	Lưu Hoàng Phượng Vy	KT18V5A2	Kinh tế
120	B1809990	Dương Ngọc Hà	KT18W1A1	Kinh tế
121	B1810006	Bùi Thị Bích Loan	KT18W1A1	Kinh tế
122	B1810024	Lê Thị Kiều Oanh	KT18W1A1	Kinh tế
123	B1810110	Lê Huỳnh Như	KT18W1A2	Kinh tế
124	B1810116	Đỗ Như Quỳnh	KT18W1A2	Kinh tế
125	B1810146	Nguyễn Thị Bạch Yến	KT18W1A2	Kinh tế
126	B1800178	Phan Hoàng Nam	KT18W2A1	Kinh tế
127	B1810165	Nguyễn Thị Thanh Giang	KT18W2A1	Kinh tế
128	B1810166	Đoàn Thị Ngân Hà	KT18W2A1	Kinh tế
129	B1810190	Bùi Thị Thanh Ngân	KT18W2A1	Kinh tế
130	B1810269	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	KT18W2A2	Kinh tế
131	B1810305	Dương Huyền Nhi	KT18W2A2	Kinh tế
132	B1810364	Nguyễn Hoàng Duy	KT18W3A1	Kinh tế
133	C1800133	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	KT18W3A2	Kinh tế

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
134	B1810519	Lâm Mỹ Hạnh	KT18W4A1	Kinh tế
135	B1805163	Thái Tố Quyên	KT18W4F1	Kinh tế
136	B1810700	Phan Ngọc Thanh Ngân	KT18W4F1	Kinh tế
137	B1810768	Mai Nguyễn Tường Vy	KT18W4F2	Kinh tế
138	C1800140	Phạm Thành Đạt	LK1863L1	Luật
139	C1800146	Nguyễn Trọng Hiếu	LK1863L1	Luật
140	C1800147	Đỗ Trọng Kính	LK1863L1	Luật
141	B1800058	Phạm Ngọc Huyền	LK1864A1	Luật
142	B1802482	Lê Thị Minh Thư	LK1864A1	Luật
143	B1802638	Đỗ Hoàng Mai Khanh	LK1864A1	Luật
144	B1802682	Trần Huỳnh Vân Thanh	LK1864A1	Luật
145	B1802718	Trịnh Khánh Băng	LK1864A2	Luật
146	B1802790	Nguyễn Phước Thọ	LK1864A2	Luật
147	C1800169	Trương Thị Bảo Châu	LK1864L1	Luật
148	C1800170	Đoàn Trung Cường	LK1864L1	Luật
149	C1800175	Trần Kim Huyền	LK1864L1	Luật
150	C1800177	Nguyễn Thị Kiều	LK1864L1	Luật
151	C1800188	Đặng Thị Thạch Thảo	LK1864L1	Luật
152	C1800190	Trần Bảo Trân	LK1864L1	Luật
153	C1800191	Nguyễn Thị Thu Trang	LK1864L1	Luật
154	C1800193	Ngô Thị Thu Vân	LK1864L1	Luật
155	B1802403	Lê Thị Kim Anh	LK1865A1	Luật
156	B1800048	Đặng Hoàng Khương	LK1865A2	Luật
157	B1802511	Nguyễn Vủ Ca	LK1865A2	Luật
158	B1802570	Nguyễn Thị Mỹ Phương	LK1865A2	Luật
159	C1800202	Nguyễn Tuấn Cảnh	LK1865L1	Luật
160	C1800203	Nguyễn Sỹ Đang	LK1865L1	Luật
161	C1800207	Nguyễn Gia Hân	LK1865L1	Luật
162	C1800208	Trần Thanh Hoàng	LK1865L1	Luật
163	C1800219	Trần Yến Nhi	LK1865L1	Luật
164	B1807777	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	ML18U3A1	Khoa học chính trị
165	B1807785	Nguyễn Ngọc Trúc Huỳnh	ML18U3A1	Khoa học chính trị
166	B1807810	Nguyễn Thị Thiên Thảo	ML18U3A1	Khoa học chính trị
167	B1809908	Giang Nhật Trường	ML18V9A1	Khoa học chính trị
168	B1812866	Đinh Chí Cường	ML18V9A1	Khoa học chính trị
169	B1812868	Trịnh Kim Đợi	ML18V9A1	Khoa học chính trị
170	B1809970	Nguyễn Quang Trình	ML18V9A2	Khoa học chính trị
171	B1802981	Quách Yến Nhi	MT1838A1	Môi trường &TNTN
172	B1803058	Nguyễn Ngọc Lợi	MT1838A2	Môi trường &TNTN
173	B1803097	Hoàng Thị Thùy Trang	MT1838A2	Môi trường &TNTN
174	B1803647	Trần Thanh Phong	MT1857A1	Môi trường &TNTN
175	C1800245	Phan Văn Quốc Hòa	MT1857A1	Môi trường &TNTN
176	B1803724	Trần Gia Phú	MT1857A2	Môi trường &TNTN
177	B1808734	Dương Huỳnh Bích Châu	MT18V4A1	Môi trường &TNTN
178	B1811527	Nguyễn Hùng Cường	MT18X7A1	Môi trường &TNTN

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
179	B1811580	Nguyễn Ngọc Lam Uyên	MT18X7A1	Môi trường &TNTN
180	B1812934	Phạm Linh Nhi	MT18X7A1	Môi trường &TNTN
181	B1811643	Hồ Huyền Trân	MT18X7A2	Môi trường &TNTN
182	C1800269	Võ Trường Giang	MT18X7L1	Môi trường &TNTN
183	C1800274	Phạm Hoài Hận	MT18X7L1	Môi trường &TNTN
184	C1800297	Cao Hoài Phong	MT18X7L1	Môi trường &TNTN
185	C1800303	Lê Thanh Tâm	MT18X7L1	Môi trường &TNTN
186	C1800320	Cao Đặng Thành Trắc	MT18X7L1	Môi trường &TNTN
187	B1800272	Bùi Thị Kiều Diễm	NN1808A1	Nông nghiệp
188	B1800552	Phạm Thị Kim Thoa	NN1808A2	Nông nghiệp
189	B1800571	Nguyễn Thị Huyền Trân	NN1808A2	Nông nghiệp
190	B1800573	Trần Huyền Trân	NN1808A2	Nông nghiệp
191	B1800336	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	NN1808A3	Nông nghiệp
192	B1800418	Thị Vàng	NN1808A3	Nông nghiệp
193	C1800330	Trương Vĩnh Phúc	NN1808A3	Nông nghiệp
194	B1800485	Dương Ngọc Linh	NN1808A4	Nông nghiệp
195	B1800500	Trần Thị Thanh Ngân	NN1808A4	Nông nghiệp
196	B1800545	Trần Ngọc Thảo	NN1808A4	Nông nghiệp
197	B1800546	Lê Thị Hồng Thắm	NN1808A4	Nông nghiệp
198	B1800555	Hà Anh Thư	NN1808A4	Nông nghiệp
199	B1802171	Lý Hồng Ngọc	NN1808F1	Nông nghiệp
200	B1801177	Mai Mộng Kiều	NN1819A1	Nông nghiệp
201	B1804168	Huỳnh Ngọc Tú	NN1867A1	Nông nghiệp
202	C1800336	Dương Văn Cảnh	NN1867A2	Nông nghiệp
203	B1804065	Trần Thị Anh Đào	NN1867A3	Nông nghiệp
204	B1804150	Văn Thị Cẩm Tiên	NN1867A3	Nông nghiệp
205	B1804245	Lý Bảo Nhi	NN1867A3	Nông nghiệp
206	C1800346	Nguyễn Minh Cường	NN1867A3	Nông nghiệp
207	C1800348	Nguyễn Đặng Kiên	NN1867A3	Nông nghiệp
208	B1804503	Nguyễn Thị Mỹ Linh	NN1873A1	Nông nghiệp
209	B1804521	Nguyễn Thị Quỳnh Như	NN1873A1	Nông nghiệp
210	B1804558	Nguyễn Tú Anh	NN1873A2	Nông nghiệp
211	B1804684	Văng Thị Muội	NN1873A3	Nông nghiệp
212	C1800375	Nguyễn Trần Trúc Hương	NN1873A3	Nông nghiệp
213	C1800376	Lưu Vịnh Nghi	NN1873A3	Nông nghiệp
214	B1805993	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	NN18S1A1	Nông nghiệp
215	B1806048	Nguyễn Hoàng Giang	NN18S1A2	Nông nghiệp
216	B1806076	Trần Văn Nghễ	NN18S1A2	Nông nghiệp
217	B1808055	Lê Thị Trúc Lam	NN18U5A1	Nông nghiệp
218	B1808071	Nguyễn Thị Huỳnh Như	NN18U5A1	Nông nghiệp
219	B1809829	Nguyễn Huyền Trân	NN18V8A1	Nông nghiệp
220	B1811721	Sôm Kim Xuân	NN18X8A1	Nông nghiệp
221	B1811732	Nguyễn Hữu Dinh	NN18X8A2	Nông nghiệp
222	B1811788	Lê Nguyễn Tường Vi	NN18X8A2	Nông nghiệp
223	B1811822	Nguyễn Hữu Khoa	NN18X8A2	Nông nghiệp

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
224	B1811837	Nguyễn Huy Phú	NN18X8A2	Nông nghiệp
225	B1811874	Phan Thị Kiều Đoan	NN18X9A1	Nông nghiệp
226	B1811882	Phạm Công Minh	NN18X9A1	Nông nghiệp
227	B1811911	Lê Thị Cẩm Xuyến	NN18X9A1	Nông nghiệp
228	B1804188	Đoàn Hồng Duy	NN18Y4A1	Nông nghiệp
229	B1804272	Trần Văn Thắng	NN18Y4A1	Nông nghiệp
230	B1811765	Doãn Thị Hồng Nhung	NN18Z1A1	Nông nghiệp
231	C1800386	Trần Tú Cầm	SP1801A1	Sư phạm
232	C1800393	Nguyễn Thị Ngọc	SP1801A1	Sư phạm
233	B1800661	Nguyễn Ngọc Anh Thư	SP1810A1	Sư phạm
234	C1800397	Phạm Thị Mơ	SP1810A1	Sư phạm
235	C1800403	Hoàng Thị Thanh Nhàn	SP1817A1	Sư phạm
236	C1800406	Nguyễn Nhật Thảo	SP1817A1	Sư phạm
237	C1800408	Lê Thị Tường Vy	SP1817A1	Sư phạm
238	C1800409	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	SP18X3A1	Sư phạm
239	C1800413	Trần Thị Tuyết Vân	SP18X3A1	Sư phạm
240	B1805258	Nguyễn Thị Hồng Niên	TN1883A2	Công nghệ
241	B1805188	Bùi Thị Bích Tuyền	TN1883A3	Công nghệ
242	B1805207	Lê Yến Duy	TN1883A3	Công nghệ
243	B1803233	Lê Vũ Đang	TN1884A1	Công nghệ
244	B1803236	Nguyễn Tiến Đạt	TN1884A1	Công nghệ
245	B1803250	Trần Minh Hoàng	TN1884A1	Công nghệ
246	B1803287	Lê Khôi Nguyên	TN1884A1	Công nghệ
247	B1803316	Lê Quốc Thái	TN1884A1	Công nghệ
248	B1803297	Kim Văn Nhựt	TN1893A1	Công nghệ
249	B1803461	Đỗ Bảo Toàn	TN1893A2	Công nghệ
250	B1806340	Nguyễn Đức Hoàng	TN18S3A2	Công nghệ
251	B1806357	Lâm Quí Lộc	TN18S3A2	Công nghệ
252	B1806377	Nguyễn Văn Sang	TN18S3A2	Công nghệ
253	B1806387	Nguyễn Hoàng Thiên	TN18S3A2	Công nghệ
254	B1806283	Đỗ Quốc Phi	TN18S3A3	Công nghệ
255	B1806304	Danh Tra	TN18S3A3	Công nghệ
256	B1806419	Lê Tấn Đạt	TN18T1A1	Công nghệ
257	B1806456	Nguyễn Trần Hà Phương	TN18T1A1	Công nghệ
258	B1806469	Nguyễn Quốc Trung	TN18T1A1	Công nghệ
259	B1800148	Nguyễn Thanh Việt	TN18T5A1	Công nghệ
260	B1806899	Lâm Thành Đạt	TN18T6A1	Công nghệ
261	B1807167	Nguyễn Tú Quyên	TN18T7A1	Công nghệ
262	B1807212	Nguyễn Hoàng Vĩ	TN18T7A1	Công nghệ
263	C1800421	Nguyễn Văn Quốc	TN18T7A1	Công nghệ
264	B1807045	Huỳnh Văn Chính	TN18T7A3	Công nghệ
265	B1807102	Lê Văn Anh Khoa	TN18T7A3	Công nghệ
266	C1800432	Đoàn Quốc Chiến	TN18T7A4	Công nghệ
267	C1800447	Diệp Văn Thành	TN18T7A4	Công nghệ
268	B1808902	Lê Thị Ngọc Bích	TN18V6A1	Công nghệ

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
269	B1808907	Trần Quốc Duy	TN18V6A1	Công nghệ
270	B1808967	Nguyễn Tường Thái	TN18V6A1	Công nghệ
271	B1808992	Nguyễn Trương Thế Vinh	TN18V6A1	Công nghệ
272	B1809001	Nguyễn Bạch Chấn Băng	TN18V6A2	Công nghệ
273	B1809065	Nguyễn Võ Thanh Tâm	TN18V6A2	Công nghệ
274	B1811922	Huỳnh Phú Duy	TN18Y8A1	Công nghệ
275	B1811952	Trần Thanh Liêm	TN18Y8A1	Công nghệ
276	B1812071	Nguyễn Thái Phong	TN18Y8A2	Công nghệ
277	B1812100	Thạch Thị Hồng Vân	TN18Y8A2	Công nghệ
278	B1812132	Nguyễn Xuân Hoài	TN18Z5A1	Công nghệ
279	B1812185	Hồ Quốc Cường	TN18Z5A2	Công nghệ
280	B1812242	Nguyễn Võ Nhựt Thịnh	TN18Z5A2	Công nghệ
281	B1800749	Trương Mộng Nghi	TS1813A1	Thủy sản
282	B1800792	Nguyễn Ngọc Thoại	TS1813A1	Thủy sản
283	B1800916	Phương Thiện Nhân	TS1813A2	Thủy sản
284	C1800435	Dương Hồng Đức	TS1813A2	Thủy sản
285	C1800438	Lương Trúc Ly	TS1813A2	Thủy sản
286	B1800672	Lê Vũ Bảo	TS1813A3	Thủy sản
287	B1800713	Nguyễn Mạnh Khang	TS1813A3	Thủy sản
288	B1800721	Hà Thị Lanh	TS1813A3	Thủy sản
289	B1800821	Nguyễn Thành Vương	TS1813A3	Thủy sản
290	B1800850	Huỳnh Trọng Đỉnh	TS1813A3	Thủy sản
291	B1800975	Lê Thị Hồng Tươi	TS1813T1	Thủy sản
292	B1804733	Phạm Quãng Bình	TS1876A1	Thủy sản
293	B1804748	Bùi Thị Bảo Ngà	TS1876A1	Thủy sản
294	B1804926	Huỳnh Ngọc Hân	TS1882A1	Thủy sản
295	B1805029	Lê Hoàng Khang	TS1882A2	Thủy sản
296	B1805065	Võ Nhật Quỳnh	TS1882A2	Thủy sản
297	B1805081	Phạm Thương Tính	TS1882A2	Thủy sản
298	B1805082	Ngô Minh Tình	TS1882A2	Thủy sản
299	B1806132	Hồ Thị Tường Di	TS18S2A1	Thủy sản
300	B1806148	Phạm Thúy Huỳnh	TS18S2A1	Thủy sản
301	B1806150	Phạm Quốc Khang	TS18S2A1	Thủy sản
302	B1806196	Lâm Hiếu Thảo	TS18S2A1	Thủy sản
303	B1812621	Đặng Minh Thư	XH1880A1	KH Xã hội & NV
304	B1812625	Võ Hoài Văn	XH1880A1	KH Xã hội & NV
305	B1804868	Huỳnh Gia Sĩ Hảo	XH1880A2	KH Xã hội & NV
306	B1804890	Võ Thị Kim Phượng	XH1880A2	KH Xã hội & NV
307	B1812639	Phạm Lê Phương Thảo	XH1880A2	KH Xã hội & NV
308	B1812644	Trần Thị Ánh Vàng	XH1880A2	KH Xã hội & NV
309	B1812646	Hồ Kim Yến	XH1880A2	KH Xã hội & NV
310	B1807901	Danh Hệ	XH18U4A1	KH Xã hội & NV
311	B1807982	Nguyễn Thanh Hùng	XH18U4A2	KH Xã hội & NV
312	B1807990	Huỳnh Ngọc Cẩm Ngân	XH18U4A2	KH Xã hội & NV
313	B1807993	Phan Đặng Tôn Nguyên	XH18U4A2	KH Xã hội & NV

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Khoa
314	B1810810	Nguyễn Thị Mơ	XH18W7A1	KH Xã hội & NV
315	B1810869	Phạm Hoàng Tuấn	XH18W7A1	KH Xã hội & NV
316	B1812898	Đặng Hoàng Quyên	XH18W7A1	KH Xã hội & NV
317	B1812906	Trương Thị Hồng Y	XH18W7A1	KH Xã hội & NV
318	B1810880	Nguyễn Kim Chi	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
319	B1810882	Đặng Đông Hải Duy	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
320	B1810883	Hà Bạch Duyên	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
321	B1810899	Nguyễn Hoàng Kha	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
322	B1810956	Nguyễn Ngọc Anh Thư	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
323	B1810976	Lê Thị Hồng Ý	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
324	B1812908	Đào Vũ Hạ	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
325	B1812912	Trịnh Thanh Ngân	XH18W7A2	KH Xã hội & NV
326	B1810978	Lý Thuận An	XH18W8A1	KH Xã hội & NV
327	B1810988	Nguyễn Thiện Duy	XH18W8A1	KH Xã hội & NV
328	B1811063	Trương Thị Thu Thùy	XH18W8A1	KH Xã hội & NV
329	B1800186	Lý Thị Minh Nguyệt	XH18W8A2	KH Xã hội & NV
330	B1811156	Lê Thị Yến Nương	XH18W8A2	KH Xã hội & NV
331	B1811158	Danh Phương	XH18W8A2	KH Xã hội & NV
332	C1800446	Phan Trần Tấn Phát	XH18W8A2	KH Xã hội & NV

Danh sách gồm có **332** sinh viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ